

Số: /QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tặng thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế đợt III năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Nghị quyết số 104/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh, về việc ban hành quy định một số chế độ dinh dưỡng, tiền thưởng, đãi ngộ đối với huấn luyện viên, vận động viên và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 57/TTr-SVHTTDL ngày 25 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích xuất sắc tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế đợt III năm 2025 với tổng số tiền là: **4.398.820.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn tỷ, ba trăm chín tám triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng).

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Nguồn tiền thưởng: Trích từ nguồn Ngân sách nhà nước năm 2026 đã giao cho Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao Bắc Ninh số 2.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính; các cơ quan, đơn vị có liên quan và các huấn luyện viên, vận động viên có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
- + LĐVP, KTTH, THĐT, NC.
- + Lưu VT, KGVX

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

DANH SÁCH

Tặng thưởng chế độ đãi ngộ đối với vận động viên lập thành tích xuất sắc tại các giải thể thao năm 2025 được hưởng năm 2026 - 2027

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT		Họ và tên	Thành tích đạt được	Chế độ đãi ngộ/ 01 tháng	Thời gian hưởng chế độ	Tổng số tiền	Ghi chú
I	Môn Boxing						
1	VĐV	Nguyễn Mạnh Cường	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
2	VĐV	Nguyễn Văn Đương	Huy chương Bạc Đại hội Thể thao Đông Nam Á năm 2025	11,700,000	02 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2027)	280,800,000	5 lần mức lương cơ sở
II	Môn Karate						
3	VĐV	Ngô Văn Hưng	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
III	Môn Kickboxing						
4	VĐV	Nguyễn Đình Thái	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
5	VĐV	Dương Danh Hoạt	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở

IV	Môn Cử tạ						
6	VĐV	Hoàng Thị Kim Oanh	Huy chương Bạc Giải Vô địch Cử tạ trẻ thể giới năm 2025	18,720,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	224,640,000	8 lần mức lương cơ sở
V	Môn Judo						
7	VĐV	Nguyễn Xuân Tôn	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
8	VĐV	Nguyễn Công Hà	Huy chương Vàng Giải Vô địch Đông Nam Á năm 2025	11,700,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	140,400,000	5 lần mức lương cơ sở
9	VĐV	Lương Như Quỳnh	Huy chương Vàng Giải Vô địch Đông Nam Á năm 2025	11,700,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	140,400,000	5 lần mức lương cơ sở
VI	Môn Pencak Silat						
10	VĐV	Nguyễn Duy Tuyền	Huy chương Vàng Giải Vô địch PencakSilat Châu Á năm 2025	35,100,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	421,200,000	15 lần mức lương cơ sở
VII	Môn Vật						
11	VĐV	Đỗ Ngọc Linh	Huy chương Vàng Đại hội Thể thao Đông Nam Á năm 2025	23,400,000	02 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2027)	561,600,000	10 lần mức lương cơ sở
12	VĐV	Vũ Đình Quang	Huy chương Vàng Giải vô địch Vật Đông Nam Á năm 2025	11,700,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	140,400,000	5 lần mức lương cơ sở
13	VĐV	Nguyễn Thế Hoàng Anh	Huy chương Vàng Giải vô địch Vật Đông Nam Á năm 2025	11,700,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	140,400,000	5 lần mức lương cơ sở

14	VĐV	Nguyễn Trọng Nam	Huy chương Vàng Giải vô địch Vật Đông Nam Á năm 2025	11,700,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	140,400,000	5 lần mức lương cơ sở
15	VĐV	Trần Thị Ánh	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
16	VĐV	Nguyễn Văn Bảo	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
17	VĐV	Trần Thế Vương	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
VIII	Môn Đấu kiếm						
18	VĐV	Lê Bá Long	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
19	VĐV	Nguyễn Trung Kiên	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
20	VĐV	Nguyễn Tuấn Anh Kiệt	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
21	VĐV	Lương Thuý Nga	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
22	VĐV	Phương Ngọc Ánh	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở

IX	Môn Đua thuyền						
23	VĐV	Trần Văn Danh	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
24	VĐV	Nguyễn Hoàng Duy	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
X	Môn Thể hình						
25	VĐV	H Nở Kbuôr	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
26	VĐV	Trần Thị Thuỳ Dương	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
XI	Môn Đẩy gậy						
27	VĐV	Nguyễn Xuân Vũ	Huy chương Vàng Giải Vô địch năm 2025	4,680,000	01 năm (Từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026)	56,160,000	2 lần mức lương cơ sở
Tổng						3,201,120,000	

(Danh sách này có 27 người./.)

DANH SÁCH

Tặng thưởng tiền huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao quốc gia, quốc tế đợt III năm 2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Giải Đua thuyền Canoeing vô địch quốc gia năm 2025					
TT	Họ và tên	Chức vụ	Thành tích	Nội dung	Tiền thưởng
1	Phùng Tiến Nguyên	Huấn luyện viên	HLV có VĐV đạt 3 HCV, 2 HCB		84,240,000
2	Phó Đức Tuấn	Huấn luyện viên	HLV có VĐV đạt 3 HCV, 2 HCB		84,240,000
3	Trần Văn Danh	Vận động viên	Huy chương Vàng	K1M1000m	18,720,000
4	Trần Văn Danh	Vận động viên	Huy chương Vàng	K2M1000m	18,720,000
5	Trần Văn Danh	Vận động viên	Huy chương Vàng	K2M500m	18,720,000
6	Trần Văn Danh	Vận động viên	Huy chương Bạc	K2M200m	14,040,000
7	Nguyễn Hoàng Duy	Vận động viên	Huy chương Vàng	K2M1000m	18,720,000
8	Nguyễn Hoàng Duy	Vận động viên	Huy chương Vàng	K2M500m	18,720,000
9	Nguyễn Hoàng Duy	Vận động viên	Huy chương Bạc	K2M200m	14,040,000
10	Nguyễn Hoàng Duy	Vận động viên	Huy chương Bạc	K1M200m	14,040,000
Tổng					304,200,000
2. Giải Vô địch các câu lạc bộ Pencak Silat quốc gia năm 2025					
TT	Họ và tên	Chức vụ	Thành tích	Nội dung	Tiền thưởng
1	Nguyễn Văn Đạt	Huấn luyện viên	HLV có VĐV đạt 1 HCV, 1 HCB, 2 HCD		46,800,000
2	Phạm Thị Tươi	Huấn luyện viên	HLV có VĐV đạt 1 HCV, 1 HCB, 2 HCD		46,800,000
3	Nông Thị Băng	Vận động viên	Huy chương Vàng	Hạng cân 60 kg Nữ	18,720,000
4	Trần Thị Ngọc	Vận động viên	Huy chương Bạc	Hạng cân 50 kg Nữ	14,040,000
5	Nguyễn Anh Thư	Vận động viên	Huy chương Đồng	Hạng cân 50 kg Nữ	7,020,000
6	Bùi Thị Hải Hà	Vận động viên	Huy chương Đồng	Hạng cân 55 kg Nữ	7,020,000
Tổng					140,400,000
3. Giải Cúp khiêu vũ thể thao toàn quốc lần III năm 2025					
TT	Họ và tên	Chức vụ	Thành tích	Nội dung	Tiền thưởng
1	Nguyễn Văn Việt	Huấn luyện viên	HLV có VĐV đạt 4 HCV, 3 HCB, 7 HCD		83,070,000
2	Diêm Gia Linh	Vận động viên	Huy chương Vàng	Thiếu nhi 1 hạng F5 Latin - P	9,360,000
3	Diêm Gia Linh	Vận động viên	Huy chương Bạc	Thiếu nhi 1 hạng F4 Latin - S	7,020,000
4	Diêm Gia Linh	Vận động viên	Huy chương Đồng	Thiếu nhi 1 hạng F3 Latin - J	3,510,000
5	Diêm Gia Linh	Vận động viên	Huy chương Đồng	Thiếu nhi 1 hạng F1 Latin - C	3,510,000
6	Bùi Bảo Chi	Vận động viên	Huy chương Vàng	Thiếu niên 2 hạng FD Latin - C,R	9,360,000
7	Bùi Bảo Chi	Vận động viên	Huy chương Bạc	Thiếu niên 2 hạng F2 Latin - R	7,020,000
8	Hà Thị Thu Hương	Vận động viên	Huy chương Vàng	Trung niên 2 hạng FC Latin - C, R, J	9,360,000
9	Hà Thị Thu Hương	Vận động viên	Huy chương Vàng	Trung niên 2 hạng FA Latin - S,C, R, P, J	9,360,000
10	Hà Thị Thu Hương	Vận động viên	Huy chương Đồng	Trung niên 1 hạng FC Latin - C, R, J	3,510,000

11	Phan Thế Phương	Vận động viên	Huy chương Bạc	Trung niên 1 hạng E4 Latin - S	7,020,000
12	Phan Thế Phương	Vận động viên	Huy chương Đồng	Trung niên 1 hạng E3 Latin - J	3,510,000
13	Nguyễn Đào Diệp Anh	Vận động viên	Huy chương Bạc	Trung niên 1 hạng E4 Latin - S	7,020,000
14	Nguyễn Đào Diệp Anh	Vận động viên	Huy chương Đồng	Trung niên 1 hạng E3 Latin - J	3,510,000
15	Đỗ Thanh Tuấn	Vận động viên	Huy chương Đồng	Trung niên 1 hạng A Latin - S, C, R, J, P	3,510,000
16	Đỗ Thanh Tuấn	Vận động viên	Huy chương Đồng	Trung niên 1 hạng C Latin - C, R, J	3,510,000
17	Nguyễn Thị Kiều Linh	Vận động viên	Huy chương Đồng	Trung niên 1 hạng A Latin - S, C, R, J, P	3,510,000
18	Nguyễn Thị Kiều Linh	Vận động viên	Huy chương Đồng	Trung niên 1 hạng C Latin - C, R, J	3,510,000
19	Nguyễn Duy Chính	Vận động viên	Huy chương Đồng	Trung niên 2 hạng E4 Latin - S	3,510,000
20	Nguyễn Thị Thu Hà	Vận động viên	Huy chương Đồng	Trung niên 2 hạng E4 Latin - S	3,510,000

Tổng **187,200,000**

4. Giải Vô địch Lân Sư Rồng toàn quốc năm 2025

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thành tích	Nội dung	Tiền thưởng
1	Nguyễn Văn Hiệp	Huấn luyện viên	HLV có VĐV đạt 1 HCV		18,720,000
2	Dương Thị Huyền Trang	Vận động viên	Huy chương Vàng	Mai Hoa Thung Nam Nữ	18,720,000
3	Tổng Phạm Sỹ Liêm	Vận động viên	Huy chương Vàng	Mai Hoa Thung Nam Nữ	18,720,000
4	Phạm Gia Hưng	Vận động viên	Huy chương Vàng	Mai Hoa Thung Nam Nữ	18,720,000
5	Nguyễn Trung Anh	Vận động viên	Huy chương Vàng	Mai Hoa Thung Nam Nữ	18,720,000
6	Nguyễn Tùng Lâm	Vận động viên	Huy chương Vàng	Mai Hoa Thung Nam Nữ	18,720,000
7	Nguyễn Hữu Tùng	Vận động viên	Huy chương Vàng	Mai Hoa Thung Nam Nữ	18,720,000
8	Dương Tường Vy	Vận động viên	Huy chương Vàng	Mai Hoa Thung Nam Nữ	18,720,000
9	Nguyễn Trọng Đại	Vận động viên	Huy chương Vàng	Mai Hoa Thung Nam Nữ	18,720,000

Tổng **168,480,000**

5. Giải Bóng đá Nhi đồng (U11) toàn quốc Cúp Neslé Milo năm 2025

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thành tích	Nội dung	Tiền thưởng
1	Nguyễn Hữu Khánh	Huấn luyện viên	HLV có VĐV đạt 1 HCB		7,020,000
2	Nguyễn Nhật Minh	Huấn luyện viên	HLV có VĐV đạt 1 HCB		7,020,000
3	Nguyễn Đức Hưng	Huấn luyện viên	HLV có VĐV đạt 1 HCB		7,020,000
4	Nghiêm Quốc Khánh	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
5	Nguyễn Đức Phát	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
6	Nguyễn Trọng Phát	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
7	Nguyễn Văn Đức Duy	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000

8	Nguyễn Anh Khôi	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
9	Nguyễn Hải Đăng	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
10	Chữ Minh Đức	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
11	Nguyễn Quang Huy	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
12	Nguyễn Trọng Hoàng Anh	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
13	Nguyễn Thế Gia Huy	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
14	Nguyễn Như Minh Đạt	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
15	Nguyễn Hữu Nhật	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
16	Nguyễn Văn Tiến Đạt	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
17	Thân Đình Quang Bảo	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
18	Nguyễn Công Khải	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
19	Mẫn Đình Quang Anh	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
20	Vũ Trọng Kiên	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
21	Nguyễn Tiến Minh	Vận động viên	Huy chương Bạc	Vòng chung kết Nhi đồng U11	7,020,000
Tổng					147,420,000
6. Giải Bóng đá hạng nhì quốc gia 2025					
TT	Họ và tên	Chức vụ	Thành tích	Nội dung	Tiền thưởng
1	Đội Bóng đá Nam	Vận động viên	Huy chương Bạc		100,000,000
Tổng					100,000,000
7. Giải Đại hội Thể thao Đông Nam Á năm 2025					
TT	Họ và tên	Chức vụ	Thành tích	Nội dung	Tiền thưởng
1	Nguyễn Duy Tuyền	Vận động viên	Huy chương Vàng	Hạng 85kg nam môn Pencak Silat	35,000,000
2	Đỗ Ngọc Linh	Vận động viên	Huy chương Vàng	Hạng 50kg nữ môn Vật	35,000,000
3	Nguyễn Văn Đương	Vận động viên	Huy chương Bạc	Hạng 57kg nam môn Boxing	20,000,000
4	Nguyễn Mạnh Cường	Vận động viên	Huy chương Đồng	Hạng 80kg nam môn Boxing	15,000,000
5	Dương Danh Hoạt	Vận động viên	Huy chương Đồng	Hạng 57kg nam môn Kickboxing	15,000,000
6	Lương Như Quỳnh	Vận động viên	Huy chương Đồng	Hạng -78kg nữ môn Judo	15,000,000
7	Nguyễn Hoàng Duy	Vận động viên	Huy chương Đồng	K2-200m nam môn Đua thuyền	15,000,000
Tổng					150,000,000
Tổng 1+2+3+4+5+6+7					1,197,700,000